CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

DANH MỤC SẢN PHẨM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF APPROVED PRODUCT

Từ ngày: 01/07/2019 Đến ngày: 01/07/2024

Loại hình công nhận: , CWA, CTA, CDA

Nhóm sản phẩm: Thiết bị hàng hải, tín hiệu và liên lạc

Loại sản phẩm:

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
Thiết bị hàng hải, tín hiệu và liên lạc/ Communication, navigation and signaling equipment					
1	Thiết bị VHF đàm thoại 2 chiều/ Two-way VHF Radiotelephone Apparatus STV-160	SAMYUNG ENC CO., LTD Địa chỉ: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea SAMYUNG ENC CO., LTD Address: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea	Kiểu/ Model: STV-160 Dải tần số/ Frequency Range: TX: 156.025 to 157.425 MHz; RX: 156.025 to 163.275 MHz Kiểu phát xạ/ Class of Emission: G3E Công suất/ Output Power: High 2W , Low 0.5W Độ nhạy tín hiệu thu/ Receiver Sensitivity: 0.2 μV at 12dB SINAD	00926/22CN05.TA 28/11/2022 28/11/2027 28/05/2025	CTA
2	Thiết bị VHF đàm thoại 2 chiều/ Two-way VHF Radiotelephone Apparatus NTW-1000	NEW SUNRISE CO.,LTD Địa chỉ: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China NEW SUNRISE CO.,LTD Address: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China	Kiểu/ Model: NTW-1000 Dải tần số/ Frequency Range: 156.300 MHz to 156.875 MHz Kiểu phát xạ/ Class of Emission: Simplex F3E Công suất/ Output Power: High 3.0W / Low 0.5W Độ nhạy tín hiệu thu/ Receiver Sensitivity: 2 μ V	00889/21CN02.TA 21/03/2023 21/03/2028 21/09/2025	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
3	Thiết bị VHF đàm thoại 2 chiều/ Two-way VHF Radiotelephone Apparatus CTW100	SRC CO., LTD Địa chỉ: 11, Yongho-ro 252 Beon-gil, Nam-gu, Busan, 48575, Republic of Korea SRC CO., LTD Address: 11, Yongho-ro 252 Beon-gil, Nam-gu, Busan, 48575, Republic of Korea	Kiểu/ Model: CTW100 Dải tần số/ Frequency Range: 156.300 MHz to 166.875 MHz Kiểu phát xạ/ Class of Emission: F3E Công suất/ Output Power: High 3W . Low 0.5W Độ nhạy tín hiệu thu/ Receiver Sensitivity: 0.25μV at 12 dB SINAD	00218/19CN04.TA 22/07/2019 22/07/2024 22/01/2022	CTA
4	Thiết bị VHF đàm thoại 2 chiều/ Two-way VHF Radiotelephone Apparatus CY-VH01	Ningbo Chiyang Electronic Co., Ltd Địa chỉ: No.140 The 21th Building Innovation 128 Park, No.818 Qiming Road, Ningbo, China Ningbo Chiyang Electronic Co., Ltd Address: No.140 The 21th Building Innovation 128 Park, No.818 Qiming Road, Ningbo, China	Kiểu/ Model: CY-VH01 Dải tần số/ Frequency Range: 154 MHz to 163 MHz Kiểu phát xạ/ Class of Emission: 16K0G3E Công suất/ Output Power: 1 W /2.5 W Độ nhạy tín hiệu thu/ Receiver Sensitivity: 2 μV for 12 dB SINAD	00182/19CN03.TA 01/10/2019 01/10/2024 01/04/2022	CTA
5	Máy thu NAVTEX/ NAVTEX Receiver SNX-300	SAMYUNG ENC CO., LTD Địa chỉ: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea SAMYUNG ENC CO., LTD Address: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea	Kiểu/ Model: SNX-300 Kiểu tín hiệu thu/ Receiving Mode: F1B NAVTEX broadcast Tần số nhận/ Frequency receiving: 518 KHz, 490 KHz or 4209.5 KHz Dung lượng bộ nhớ/ Memory Capacity: 200 per channel Khối màn hình/ Display Unit: 5.7" LCD,320 dots x 240 dots	00926/22CN03.TA 28/11/2022 28/11/2027 28/05/2025	CTA
6	Máy thu NAVTEX/ NAVTEX Receiver NCR-333	Japan Radio Co., Ltd Địa chỉ: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan Japan Radio Co., Ltd Address: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan	Kiểu/ Model: NCR-333 Kiểu tín hiệu thu/ Receiving Mode: F1B NAVTEX broadcast Tần số nhận/ Frequency receiving: 490kHz, 518kHz, 4209.5kHz Dung lượng bộ nhớ/ Memory Capacity: Each Channels : 200 messages Khối màn hình/ Display Unit: 5.7-inch Black & White LCD	00544/22CN06.TA 17/10/2022 17/10/2027 17/04/2025	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
7	Máy thu NAVTEX/ NAVTEX Receiver NVX-1000	NEW SUNRISE CO.,LTD Địa chỉ: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China NEW SUNRISE CO.,LTD Address: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China	Kiểu/ Model: NVX-1000 Kiểu tín hiệu thu/ Receiving Mode: F1B Tần số nhận/ Frequency receiving: 518kHz, 490kHz and 4209.5kHz Dung lượng bộ nhớ/ Memory Capacity: 200 messages × 3 channels Khối màn hình/ Display Unit: 5.7 " Silver Bright LCD	00889/21CN01.TA 21/03/2023 21/03/2028 21/09/2025	CTA
8	Máy thu NAVTEX/ NAVTEX Receiver NTX100B	Ningbo Chiyang Electronic Co., Ltd Địa chỉ: No.140 The 21th Building Innovation 128 Park, No.818 Qiming Road, Ningbo, China Ningbo Chiyang Electronic Co., Ltd Address: No.140 The 21th Building Innovation 128 Park, No.818 Qiming Road, Ningbo, China	Kiểu/ Model: NTX100B Kiểu tín hiệu thu/ Receiving Mode: F1B Tần số nhận/ Frequency receiving: 518KHz, 490KHz or 4209.5KHz Khối màn hình/ Display Unit: 5.7 inch LCD Độ nhạy thu được/ Receiving Sensitivity: 2uV e.m.f (50Ω), ＜4%	00182/19CN02.TA 01/10/2019 01/10/2024 01/04/2022	CTA
9	Trạm thông tin vệ tinh đài tàu INMARSAT/ INMARSAT-C Ship Earth Station JUE-87	Japan Radio Co., Ltd Địa chỉ: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan Japan Radio Co., Ltd Address: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan	Kiểu/ Type: JUE-87 (SES with Enhansed Group Calling (EGC) Receiver / Ship Security Alert System (SSAS) /Equipment of the Long-Range Identification and Tracing of Ship (LRIT). Tần số phát/ TX: TX : 1626.5MHz to 1646.5MHz Tần số thu/ RX: RX : 1537.0MHz to 1544.2MHz Độ rộng kênh/ Channel Interval: 5kHz Kiểu điều biến/ Modulation: TX/RX : 1200 symbols/sec BPSK	00544/22CN04.TA 17/10/2022 17/10/2027 17/04/2025	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
10	Phao vô tuyến định vị sự cố (EPIRB)/ Emergency Position–Indicating Radio Beacon (EPIRB) NEB-2000	NEW SUNRISE CO.,LTD Địa chỉ: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China NEW SUNRISE CO.,LTD Address: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China	Kiểu/ Model: NEB-2000 AIS-EPIRB Vật liệu chế tạo/ Material housing: Special ABS+PC Tần số/ Frequency: 406.031 MHz /5W (Satellite); 121.5 MHz/50mW (Homing) Loại pin/ Battery Type: NBT400 Thời gian hoạt động/ Operation Time: ≥ 48 hours	00414/23CN02.TA 18/07/2023 18/07/2028 18/01/2026	CTA
11	Phao vô tuyến định vị sự cố (EPIRB)/ Emergency Position–Indicating Radio Beacon (EPIRB) CEP100	SRC CO., LTD Địa chỉ: 11, Yongho-ro 252 Beon-gil, Nam-gu, Busan, 48575, Republic of Korea SRC CO., LTD Address: 11, Yongho-ro 252 Beon-gil, Nam-gu, Busan, 48575, Republic of Korea	Kiểu/ Model: CEP100 with built-in GPS receiver Vật liệu chế tạo/ Material housing: ABS Plastic Tần số/ Frequency: Satellite : 406.037 MHz; Homing: 121.5 MHz Công suất/ Output Power: 5W / 50mW Loại pin/ Battery Type: Lithium Chloride battery (Li/SOC 12)	00218/19CN01.TA 22/07/2019 22/07/2024 22/01/2022	CTA
12	Thiết bị vô tuyến điện sóng trung /sóng ngắn (MF/HF)/ MF/HF Radio Installation JSS-2150	Japan Radio Co., Ltd Địa chỉ: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan Japan Radio Co., Ltd Address: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan	Kiểu/ Model: JSS-2150 Dải tần số/ Frequency range: TX: 1.6MHz to 27.5 MHz; RX: 0.09 MHz to 30 MHz Kiểu phát xạ/ Class of emission: J3E, F1B, A1A, H2B, J2D, H3E(receiving only) Công suất phát/ Output Power: 150W Khối màn hình/ Display Unit: 3.8 inch LED Backlit	00544/22CN05.TA 17/10/2022 17/10/2027 17/04/2025	CTA
13	Thiết bị vô tuyến điện sóng trung /sóng ngắn (MF/HF)/ MF/HF Radio Installation JSS-2250	Japan Radio Co., Ltd Địa chỉ: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan Japan Radio Co., Ltd Address: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan	Kiểu/ Model: JSS-2250 Dải tần số/ Frequency range: TX: 1.6MHz to 27.5 MHz; RX: 0.09 MHz to 30 MHz Kiểu phát xạ/ Class of emission: J3E, F1B, A1A, H2B, J2D, H3E(receiving only) Công suất phát/ Output Power: 250W Khối màn hình/ Display Unit: 3.8 inch LED Backlit	00544/22CN05.TA 17/10/2022 17/10/2027 17/04/2025	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
14	Thiết bị vô tuyến điện sóng trung /sóng ngắn (MF/HF)/ MF/HF Radio Installation SRG-150DN	SAMYUNG ENC CO., LTD Địa chỉ: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea SAMYUNG ENC CO., LTD Address: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea	Kiểu/ Model: SRG-150DN Dải tần số/ Frequency range: TX :1.6MHz to 27.5MHz; RX : 500kHz to 29.9999MHz Kiểu phát xạ/ Class of emission: J3E, F1B, J2B Công suất phát/ Output Power: 150W Khối màn hình/ Display Unit: 5 inch color	00926/22CN09.TA 28/11/2022 28/11/2027 28/05/2025	CTA
15	Thiết bị vô tuyến điện sóng trung /sóng ngắn (MF/HF)/ MF/HF Radio Installation SRG-3150DN	SAMYUNG ENC CO., LTD Địa chỉ: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea SAMYUNG ENC CO., LTD Address: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea	Kiểu/ Model: SRG-3150DN Dải tần số/ Frequency range: TX : 1.6MHz to 27.5MHz; RX : 500KHz to 29.9999MHz Kiểu phát xạ/ Class of emission: J3E, H3E, F1B Khối NBDP/ NBDP Terminal: SN-100 Các tần số trực canh DSC/ DSC watch keeping frequency: 2187.5, 4207.5, 6312, 8414.5, 12577, 16804.5KHz	00926/22CN02.TA 28/11/2022 28/11/2027 28/05/2025	CTA
16	Thiết bị vô tuyến điện sóng trung /sóng ngắn (MF/HF)/ MF/HF Radio Installation NHR-1500	NEW SUNRISE CO.,LTD Địa chỉ: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China NEW SUNRISE CO.,LTD Address: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China	Kiểu/ Model: NHR-1500 Dải tần số/ Frequency range: TX: 1605.0 MHz -27500.0 MHz , RX: 100.0-29999.99 MHz Kiểu phát xạ/ Class of emission: J3E, H3E, A1A, F1B Công suất phát/ Output Power: 150W pep Khối màn hình/ Display Unit: 7-inch color display, touch screen	00889/21CN07.TA 21/03/2023 21/03/2028 21/09/2025	CTA
17	Hệ thống định vị toàn cầu (GPS)/ Global Positioning System (GPS) N500R	SAMYUNG ENC CO., LTD Địa chỉ: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea SAMYUNG ENC CO., LTD Address: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea	Kiểu/ Type: N500R Tần số thu GPS/ Receiver Frequency GPS: GPS L1 C/A Code Tần số/ Frequency: 1575,42MHz ± 1MHz (C/A code). Khoảng thời gian cập nhập vị trí/ Position Update Interval: 1 sec Màn hình/ Display: color LCD TFT 5 inches	00926/22CN11.TA 28/11/2022 28/11/2027 28/05/2025	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
18	Hệ thống định vị toàn cầu (GPS)/ Global Positioning System (GPS) JLR-8400	Japan Radio Co., Ltd Địa chỉ: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan Japan Radio Co., Ltd Address: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan	Kiểu/ Type: JLR-8400 Tần số/ Frequency: 1575.42MHz±1MHz（C/A code） Khoảng thời gian cập nhập vị trí/ Position Update Interval: Normally every 1 second Sai số/ Accuracy: 5m 2DRMS（HDOP≦4 SA off） Màn hình/ Display: NWZ-4620 (4.5 inch monochrome LCD)	00544/22CN12.TA 17/10/2022 17/10/2027 17/04/2025	CTA
19	Hệ thống định vị toàn cầu (GPS)/ Global Positioning System (GPS) JLR-8600	Japan Radio Co., Ltd Địa chỉ: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan Japan Radio Co., Ltd Address: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan	Kiểu/ Type: JLR-8600 Tần số/ Frequency: 1575.42 MHz ±1MHz Sai số/ Accuracy: 5m 2RMS (HDOP≤4 SA off) Màn hình/ Display: NWZ-1650 (6.5-inch TFT color LCD) Khối xử lý/ Processor Unit: NDC-4100	00544/22CN13.TA 17/10/2022 17/10/2027 17/04/2025	CTA
20	Hệ thống định vị toàn cầu (GPS)/ Global Positioning System (GPS) KGC-300	Koden Electronics Co., Ltd Địa chỉ: 2-13-24 Tamagawa, Ota-ku, Tokyo, 146-0095 Japan Koden Electronics Co., Ltd Address: 2-13-24 Tamagawa, Ota-ku, Tokyo, 146-0095 Japan	Kiểu/ Type: GPS Compass KGC-300 with Transmitting heading device THD (GNSS method) Tần số/ Frequency: 1575.42 MHz ± 1MHz Khoảng thời gian cập nhập vị trí/ Position Update Interval: 2 minutes Sai số/ Accuracy: Position: 10m(GPS), 3m(DGPS); Heading: 0.5° rms; Velocity: 1m/sec Màn hình/ Display: KGC-300.DU 4.3-inch Color LCD	00545/22CN03.TA 12/09/2022 12/09/2027 12/03/2025	CTA
21	Hệ thống định vị toàn cầu (GPS)/ Global Positioning System (GPS) KGP-922	Koden Electronics Co., Ltd Địa chỉ: 2-13-24 Tamagawa, Ota-ku, Tokyo, 146-0095 Japan Koden Electronics Co., Ltd Address: 2-13-24 Tamagawa, Ota-ku, Tokyo, 146-0095 Japan	Kiểu/ Type: GPS KGP-922 Tần số/ Frequency: 1575.42 MHz ± 1Mhz Sai số/ Accuracy: Position: 4.2 m 2drms(GPS); SOG : 0.1kt rms; COG: ± 1.0° Màn hình/ Display: 4.3 inch color LCD Công suất tiêu thụ/ Power Consumption: 6 W or less (24V DC)	00545/22CN02.TA 12/09/2022 12/09/2027 12/03/2025	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
22	Thiết bị vô tuyến điện VHF/ VHF Radio Installation JHS-800S	Japan Radio Co., Ltd Địa chỉ: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan Japan Radio Co., Ltd Address: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan	Kiểu/ Type: JHS-800S Dải tần số/ Frequency Range: 155.000 MHz to 163.500 MHz Kiểu phát xạ/ Type of Emission: Radio :F3E / G3E; DSC / ATIS : F2B / G2B Khối thu DSC/ DSC Receiver Unit: 156.525 MHz (Receiver : built-in) Công suất phát/ Output Power: 6 - 25 W	00544/22CN11.TA 17/10/2022 17/10/2027 17/04/2025	CTA
23	Thiết bị vô tuyến điện VHF/ VHF Radio Installation STR-6000A	SAMYUNG ENC CO., LTD Địa chỉ: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea SAMYUNG ENC CO., LTD Address: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea	Kiểu/ Type: STR-6000A Dải tần số/ Frequency Range: TX: 156.025 - 157.425 MHz, RX: 156.050 - 163.275 MHz Kiểu phát xạ/ Type of Emission: FM(16K0G3E), DSC (16K0G2B) Khối thu DSC/ DSC Receiver Unit: Class A, RX:156.525 MHz Công suất phát/ Output Power: High 25W , Low 1W	00926/22CN01.TA 28/11/2022 28/11/2027 28/05/2025	CTA
24	Thiết bị vô tuyến điện VHF/ VHF Radio Installation NVR-1000	NEW SUNRISE CO.,LTD Địa chỉ: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China NEW SUNRISE CO.,LTD Address: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China	Kiểu/ Type: NVR-1000 Dải tần số/ Frequency Range: TX: 156.025 to 157.425 MHz, RX: 156.050 to 163.275 MHz Kiểu phát xạ/ Type of Emission: G3E ,G2B (DSC) Khối thu DSC/ DSC Receiver Unit: Class A (CH70 - 156.525 MHz) Công suất phát/ Output Power: 25W (High), 1W (Low)	00889/21CN05.TA 21/03/2023 21/03/2028 21/09/2025	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
25	Thiết bị vô tuyến điện VHF/ VHF Radio Installation NVR-3000	NEW SUNRISE CO.,LTD Địa chỉ: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China NEW SUNRISE CO.,LTD Address: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China	Kiểu/ Type: NVR-3000 Dải tần số/ Frequency Range: TX: 156.025 MHz to157.425 MHz; RX: 156.050 MHz to163.275MHz Kiểu phát xạ/ Type of Emission: G3E (F3E), G2B(DSC) Khối thu DSC/ DSC Receiver Unit: Class A Công suất phát/ Output Power: 25W(High)/1W(Low)	00414/23CN01.TA 18/07/2023 18/07/2028 18/01/2026	CTA
26	Thiết bị Radar/ Radar Equipment JMA-5300 SERIES	Japan Radio Co., Ltd Địa chỉ: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan Japan Radio Co., Ltd Address: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan	Kiểu/ Type: JMA-5312-6 / JMA-5312-6HS Tần số/ Frequency: X-Band (9410mHz ± 30mHz) Công suất đỉnh/ Peak Output Power: 10kW Dải thang đo/ Range Scale: 0.125/0.25/0.5/0.75/1.5/3/6/12/24/48/96 NM Vòng quay an ten/ Scanning Revolution: 27 rpm/ 48 rpm	00544/22CN07.TA 17/10/2022 17/10/2027 17/04/2025	CTA
27	Thiết bị Radar/ Radar Equipment	Japan Radio Co., Ltd Địa chỉ: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan Japan Radio Co., Ltd Address: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan	Kiểu/ Type: JMA-5332-12 Tần số/ Frequency: S-Band (3050mHz ± 20mHz) Công suất đỉnh/ Peak Output Power: 30kW Dải thang đo/ Range Scale: 0.125/0.25/0.5/0.75/1.5/3/6/12/24/48/96 NM Vòng quay an ten/ Scanning Revolution: 24 rpm	00544/22CN07.TA 17/10/2022 17/10/2027 17/04/2025	CTA
28	Thiết bị Radar/ Radar Equipment JMR-9200 SERIES	Japan Radio Co., Ltd Địa chỉ: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan Japan Radio Co., Ltd Address: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan	Kiểu/ Type: JMR-9225-6X/ JMR-9225-6XH Tần số/ Frequency: X-band (9410 MHz ± 30 MHz) Công suất đỉnh/ Peak Output Power: 25 kW Dải thang đo/ Range Scale: 0.125, 0.25, 0.5, 0.75, 1.5, 3, 6, 12, 24, 48, 96 NM Vòng quay an ten/ Scanning Revolution: 27 rpm/ 48 rpm	00544/22CN08.TA 17/10/2022 17/10/2027 17/04/2025	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
29	Thiết bị Radar/ Radar Equipment	Japan Radio Co., Ltd Địa chỉ: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan Japan Radio Co., Ltd Address: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan	Kiểu/ Type: JMR-9230-S Tần số/ Frequency: S-band (3050 MHz ± 20 MHz) Công suất đỉnh/ Peak Output Power: 30kW Dải thang đo/ Range Scale: 0.125, 0.25, 0.5, 0.75, 1.5, 3, 6, 12, 24, 48, 96 NM Vòng quay an ten/ Scanning Revolution: 24 rpm	00544/22CN08.TA 17/10/2022 17/10/2027 17/04/2025	CTA
30	Thiết bị Radar/ Radar Equipment MDC-7900P SERIES	Koden Electronics Co., Ltd Địa chỉ: 2-13-24 Tamagawa, Ota-ku, Tokyo, 146-0095 Japan Koden Electronics Co., Ltd Address: 2-13-24 Tamagawa, Ota-ku, Tokyo, 146-0095 Japan	Kiểu/ Type: MDC-7925P Tần số/ Frequency: 9410 MHz ± 30 MHz (X-Band) Công suất đỉnh/ Peak Output Power: 25 kW(RB809P) Dải thang đo/ Range Scale: 0.125 NM to 96NM (25kW) Vòng quay an ten/ Scanning Revolution: 24 rpm/ 48 rpm	00545/22CN01.TA 12/09/2022 12/09/2027 12/03/2025	CTA
31	Thiết bị Radar/ Radar Equipment	Koden Electronics Co., Ltd Địa chỉ: 2-13-24 Tamagawa, Ota-ku, Tokyo, 146-0095 Japan Koden Electronics Co., Ltd Address: 2-13-24 Tamagawa, Ota-ku, Tokyo, 146-0095 Japan	Kiểu/ Type: MDC-7912P Tần số/ Frequency: 9410 MHz ± 30 MHz (X-Band) Công suất đỉnh/ Peak Output Power: 12kW(RB808P) Dải thang đo/ Range Scale: 0.125 NM to 64 NM Vòng quay an ten/ Scanning Revolution: 24 rpm/ 48 rpm	00545/22CN01.TA 12/09/2022 12/09/2027 12/03/2025	CTA
32	Thiết bị đo tốc độ và khoảng cách hành trình/ Speed And Distance Measuring Devices JLN-740	Japan Radio Co., Ltd Địa chỉ: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan Japan Radio Co., Ltd Address: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan	Kiểu/ Type: JLN-740A/JLN-740N Tần số làm việc/ Working Frequency: 2MHz (Dual-beam pulse Doppler system) Dải tốc độ/ Speed Range: -10.00knots to 40.00knots Sai số/ Accuracy: 0.1 Kn / 0.1 Nm Nguồn điện cung cấp/ Power Supply: AC100V/ 230V	00544/22CN14.TA 17/10/2022 17/10/2027 17/04/2025	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
33	Thiết bị đo tốc độ và khoảng cách hành trình/ Speed And Distance Measuring Devices JLN-741	Japan Radio Co., Ltd Địa chỉ: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan Japan Radio Co., Ltd Address: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan	Kiểu/ Type: JLN-741A/JLN-741N Tần số làm việc/ Working Frequency: 2MHz Dải tốc độ/ Speed Range: -10.00kn to 40.00kn Sai số/ Accuracy: 0.1 kn / 0.1 Nm Nguồn điện cung cấp/ Power Supply: AC100/ 230V	00544/22CN14.TA 17/10/2022 17/10/2027 17/04/2025	CTA
34	Thiết bị đo sâu/ Sounding Device SES-5000	SAMYUNG ENC CO., LTD Địa chỉ: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea SAMYUNG ENC CO., LTD Address: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea	Kiểu/ Model: SES-5000 Tần số hoạt động/ Frequency of Operation: 50 kHz / 200 kHz Phạm vi đo sâu/ Depth Range: 5 to 1000 (m) Tốc độ âm thanh (số xung trong một phút)/ Sounding Rate (Pulses Per Minute): 40 to 705 ppm Khối giao diện/ Interface Unit: SB-340 SAMYUNG NMEA0183	00926/22CN07.TA 28/11/2022 28/11/2027 28/05/2025	CTA
35	Thiết bị đo sâu/ Sounding Device NED-3007	NEW SUNRISE CO.,LTD Địa chỉ: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China NEW SUNRISE CO.,LTD Address: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China	Kiểu/ Model: NED-3007 Tần số hoạt động/ Frequency of Operation: 200 kHz (default), 50 kHz (optional) Phạm vi đo sâu/ Depth Range: 0 to 500 (m) Đầu dò/ Tranducer: NXD-200A (Transducer); NXT-100 (Transducer Tank) Sai số/ Accuracy: ±5m or ±2.5%	00414/23CN03.TA 18/07/2023 18/07/2028 18/01/2026	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
36	Thiết bị đo sâu/ Sounding Device NED-3010	NEW SUNRISE CO.,LTD Địa chỉ: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China NEW SUNRISE CO.,LTD Address: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China	Kiểu/ Model: NED-3010 Tần số hoạt động/ Frequency of Operation: 200 kHz (default), 50 kHz (optional) Phạm vi đo sâu/ Depth Range: 0 to 500 (m) Đầu dò/ Tranducer: NXD-200A (Transducer); NXT-100 (Transducer Tank) Sai số/ Accuracy: ±5m or ±2.5%	00414/23CN03.TA 18/07/2023 18/07/2028 18/01/2026	CTA
37	Hệ thống tự động nhận dạng (AIS)/ Automatic Identification System (AIS) JHS-183	Japan Radio Co., Ltd Địa chỉ: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan Japan Radio Co., Ltd Address: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan	Kiểu/ Model: JHS-183 Tần số/ Frequency: 156.025MHz to 162.025MHz Kiểu điều biến/ Type of Modulation: AIS: GMSK Công suất/ Output Power: 12.5W / 1W Màn hình/ Display: 4.5-inch FSTN LCD (128 by 64 pixels)	00544/22CN03.TA 17/10/2022 17/10/2027 17/04/2025	CTA
38	Hệ thống tự động nhận dạng (AIS)/ Automatic Identification System (AIS) SI-30A	SAMYUNG ENC CO., LTD Địa chỉ: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea SAMYUNG ENC CO., LTD Address: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea	Kiểu/ Model: SI-30A (Transponder) Kiểu điều biến/ Type of Modulation: GMSK Công suất/ Output Power: 1W or 12.5W Khối thu GPS/ GPS Receiver Unit: PATCH ANTENNA / TNC (RG-58U) Màn hình/ Display: MKD Unit :SI-30AM (5.6" TFT LED)	00926/22CN06.TA 28/11/2022 28/11/2027 28/05/2025	CTA
39	Hệ thống tự động nhận dạng (AIS)/ Automatic Identification System (AIS) SI-70A	SAMYUNG ENC CO., LTD Địa chỉ: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea SAMYUNG ENC CO., LTD Address: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea	Kiểu/ Model: SI-70A Tần số/ Frequency: 156.025 MHz to 162.025 MHz Kiểu điều biến/ Type of Modulation: GMSK Công suất/ Output Power: 12.5W or 1.0W Khối thu GPS/ GPS Receiver Unit: GNSS-70	00926/22CN12.TA 28/11/2022 28/11/2027 28/05/2025	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
40	Hệ thống tự động nhận dạng (AIS)/ Automatic Identification System (AIS) NSI-1000	NEW SUNRISE CO.,LTD Địa chỉ: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China NEW SUNRISE CO.,LTD Address: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China	Kiểu/ Model: NSI-1000 Class A with built-in GPS Hệ thống bao gồm/ The System Consisting: AIS Transponder: NSI-1000, MKD: NSI-1000D Tần số/ Frequency: 156.025MHz to 162.025MHz Kiểu điều biến/ Type of Modulation: GMSK/FM Công suất/ Output Power: 12.5W/1W	00889/21CN06.TA 21/03/2023 21/03/2028 21/09/2025	CTA
41	Hệ thống tự động nhận dạng (AIS)/ Automatic Identification System (AIS) KAT-330	Koden Electronics Co., Ltd Địa chỉ: 2-13-24 Tamagawa, Ota-ku, Tokyo, 146-0095 Japan Koden Electronics Co., Ltd Address: 2-13-24 Tamagawa, Ota-ku, Tokyo, 146-0095 Japan	Kiểu/ Model: U-AIS KAT-330 Class A Tần số/ Frequency: 156.025 MHz to 162.025 MHz Công suất/ Output Power: 1 W or 12.5 W Màn hình/ Display: 5 inch, color LCD Tần số thu GPS/ GPS Receiver frequency: GPS: 1575.42 MHz ; GLONASS: 1597.1 to 1609.5 MHz	00545/22CN04.TA 12/09/2022 12/09/2027 12/03/2025	CTA
42	Hệ thống thông tin và hiển thị hải đồ điện tử (ECDIS)/ Electronic Chart Display And Information System (ECDIS) JAN-9201	Japan Radio Co., Ltd Địa chỉ: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan Japan Radio Co., Ltd Address: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan	Kiểu/ Type: JAN-9201 / JAN-9201S Khối màn hình/ Monitor Unit: NWZ-208 (26-inch WUXGA color LCD, touch panel) Khối điều khiển/ Control Unit: NDC-1590 or NDC-1590A Bàn phím/ Chuột/ Keyboard/Mouse:: NCE-5605 (Trackball operation unit) Thiết bị tùy chọn/ Optional Units: NCE-5625 (Keyboard operation unit);NQE-1143(Junction box); CWB-1595 (26" Desktop frame); CWA-246 (26" Cradle frame);CWB-1596 (OPU Desktop Frame); NQA-2443 (Sensor LAN Switch Unit)	00544/22CN02.TA 17/10/2022 17/10/2027 17/04/2025	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
43	Hệ thống thông tin và hiển thị hải đồ điện tử (ECDIS)/ Electronic Chart Display And Information System (ECDIS) JAN-7201	Japan Radio Co., Ltd Địa chỉ: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan Japan Radio Co., Ltd Address: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan	Kiểu/ Type: JAN-7201/JAN-7201S Khối màn hình/ Monitor Unit: NWZ-214 or NWZ-207 (19-inch WUXGA color LCD, touch panel) Khối điều khiển/ Control Unit: NDC-1590 or NDC-1590A Bàn phím/ Chuột/ Keyboard/Mouse:: NCE-5605 (Trackball Operation Unit) Thiết bị tùy chọn/ Optional Units: NCE-5625 (Keyboard operation unit);NQE-1143(Junction box);CWB-1594(19"Desktop frame);CWA-245(19" Cradle frame);CWB-1596(OPU Desktop Frame);NQA-2443(Sensor LAN Switch Unit);CWB-1659 (19"Monitor Desktop frame)	00544/22CN01.TA 17/10/2022 17/10/2027 17/04/2025	CTA
44	Thiết bị ghi dữ liệu hành trình/ Voyage Data Recorder SVDR JCY-1950	Japan Radio Co., Ltd Địa chỉ: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan Japan Radio Co., Ltd Address: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan	Kiểu/ Type: SVDR JCY-1950 Hộp ghi dữ liệu cố định/ Fixed Data Recording Capsule: NDH-338 (48 hours - capacity 32 GB) Hộp ghi dữ liệu nổi tự do/ Float-free Data Recording Capsule: NDH-339B (AIS-EPIRB - 48 hours - capacity 80 GB) Bảng hoạt động/ Operation Panel Unit: NCG-1950 (7-inch WVGA color LCD) Các bộ phận chính/ Major Parts: NDV-1950 (Recording Control Unit); NVT-181(Microphone Unit); NVT-182 (Waterproof Microphone Unit);NQE-7700A (Junction Box)	00544/22CN10.TA 17/10/2022 17/10/2027 17/04/2025	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
45	Thiết bị ghi dữ liệu hành trình/ Voyage Data Recorder JCY-1900	Japan Radio Co., Ltd Địa chỉ: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan Japan Radio Co., Ltd Address: 1-1, Shimorenjaku 5-chome, Mitaka-shi, Tokyo 181-0013, Japan	Kiểu/ Type: VDR JCY-1900 Hộp ghi dữ liệu cố định/ Fixed Data Recording Capsule: NDH-338 (48 hours - capacity 32 GB) Hộp ghi dữ liệu nổi tự do/ Float-free Data Recording Capsule: NDH-339B (AIS-EPIRB - 48 hours - capacity 80 GB) Bảng hoạt động/ Operation Panel Unit: NCG-1900 (7-inch WVGA color LCD) Các bộ phận chính/ Major Parts: NDV-1900 (Recording Control Unit); NVT-181(Microphone Unit); NVT-182 (Waterproof Microphone Unit);NQE-7700A (Junction Box); CYC-825/CYC-826(Playback software)	00544/22CN09.TA 17/10/2022 17/10/2027 17/04/2025	CTA
46	Thiết bị ghi dữ liệu hành trình/ Voyage Data Recorder S-VDR NVR-9000S	NEW SUNRISE CO.,LTD Địa chỉ: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China NEW SUNRISE CO.,LTD Address: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China	Kiểu/ Type: Simplified VDR NVR-9000S Khối chính/ Main Cabinet Unit: NVR9001(Data Acquisition Unit) ./ Interior Micrphone: NVR9005 ./ Exterior Micrphones: NVR9006 Khối nhận và xử lý dữ liệu/ Data Acquisition Unit: NVR9001/NVR9002 (Data Extension Unit)	00414/23CN05.TA 18/07/2023 18/07/2028 18/01/2026	CTA
47	Thiết bị ghi dữ liệu hành trình/ Voyage Data Recorder VDR NVR-9000	NEW SUNRISE CO.,LTD Địa chỉ: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China NEW SUNRISE CO.,LTD Address: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China	Kiểu/ Type: VDR NVR-9000 Khối chính/ Main Cabinet Unit: NVR9001(Data Acquisition Unit) ./ Interior Micrphone: NVR9005 ./ Exterior Micrphones: NVR9006 Hộp ghi dữ liệu cố định/ Fixed Data Recording Capsule: NFP-2000C (Fixed Protective Data Recording Capsule)	00414/23CN04.TA 18/07/2023 18/07/2028 18/01/2026	CTA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
48	Hệ thống báo động trực ca hàng hải buồng lái (BNWAS)/ Bridge Navigational Watch Alarm System (BNWAS) BNW-50	SAMYUNG ENC CO., LTD Địa chỉ: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea SAMYUNG ENC CO., LTD Address: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea	Kiểu/ Type: BNW-50 Nhiệt độ hoạt động/ Operation Temperature: -15ºC to +55ºC Khối màn hình/ Display Unit: BNW-50 - 4.3 inch TFT color LCD Bộ xử lý/ Processor Unit: BNW-51 Khối Reset/ Reset Unit: BNW-52/ BNW-52W	00926/22CN08.TA 28/11/2022 28/11/2027 28/05/2025	CTA
49	Hệ thống báo động trực ca hàng hải buồng lái (BNWAS)/ Bridge Navigational Watch Alarm System (BNWAS) NBW-1000	NEW SUNRISE CO.,LTD Địa chỉ: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China NEW SUNRISE CO.,LTD Address: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China	Kiểu/ Type: NBW-1000 Nhiệt độ hoạt động/ Operation Temperature: -20 ºC to +55ºC Khối màn hình/ Display Unit: 5.7" LCD Khối Reset/ Reset Unit: NBW-1090R(W) Khối báo động/ Alarm Unit: NBW-1010A	00889/21CN08.TA 21/03/2023 21/03/2028 21/09/2025	CTA
50	Thiết bị phát báo Radar tìm kiếm và cứu nạn (SART)/ Search And Rescue Radar Transponder (SART) SAR-9	SAMYUNG ENC CO., LTD Địa chỉ: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea SAMYUNG ENC CO., LTD Address: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea	Kiểu/ Model: SAR-9 Dải tần số/ Frequency Range: 9200 MHz - 9500 MHz Độ nhạy thu được/ Receiving Sensitivity: ≤ -50 dBM Hạn pin/ Battery Expiry: 5 years Kiểu pin/ Battery Type: Lithium Battery Mode SW-D02	00926/22CN04.TA 28/11/2022 28/11/2027 28/05/2025	CTA
51	Thiết bị phát báo Radar tìm kiếm và cứu nạn (SART)/ Search And Rescue Radar Transponder (SART) NRT-1000	NEW SUNRISE CO.,LTD Địa chỉ: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China NEW SUNRISE CO.,LTD Address: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China	Kiểu/ Model: NRT-1000 Dải tần số/ Frequency Range: 9.2 GHz to 9.5 GHz Độ nhạy thu được/ Receiving Sensitivity: Better than -50dBm Kiểu pin/ Battery Type: Lithium Battery NBT100S Thời gian hoạt động/ Working Hours: ≥ 96 hours	00889/21CN04.TA 21/03/2023 21/03/2028 21/09/2025	CTA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
52	Thiết bị phát báo Radar tìm kiếm và cứu nạn (SART)/ Search And Rescue Radar Transponder (SART) CRT100	SRC CO., LTD Địa chỉ: 11, Yongho-ro 252 Beon-gil, Nam-gu, Busan, 48575, Republic of Korea SRC CO., LTD Address: 11, Yongho-ro 252 Beon-gil, Nam-gu, Busan, 48575, Republic of Korea	Kiểu/ Model: CRT100 Dải tần số/ Frequency Range: 9.2 GHz - 9.5 GHz Độ nhạy thu được/ Receiving Sensitivity: ＜-50dBm Kiểu pin/ Battery Type: Lithium 2SW-D02 Thời gian hoạt động/ Working Hours: Up to 96 hours in stand-by mode and 8 hours in continuous operation	00218/19CN03.TA 22/07/2019 22/07/2024 22/01/2022	CTA
53	Thiết bị phát báo Radar tìm kiếm và cứu nạn (SART)/ Search And Rescue Radar Transponder (SART) CY-SART	Ningbo Chiyang Electronic Co., Ltd Địa chỉ: No.140 The 21th Building Innovation 128 Park, No.818 Qiming Road, Ningbo, China Ningbo Chiyang Electronic Co., Ltd Address: No.140 The 21th Building Innovation 128 Park, No.818 Qiming Road, Ningbo, China	Kiểu/ Model: CY-SART Dải tần số/ Frequency Range: 9.2 GHz to 9.5 GHz Độ nhạy thu được/ Receiving Sensitivity: Better than -50dBm Kiểu pin/ Battery Type: CY-LBST01 7.2V 5000mAh Nhiệt độ hoạt động/ Operation Temperature: -20 ºC to +55 ºC	00182/19CN05.TA 01/10/2019 01/10/2024 01/04/2022	CTA
54	Thiết bị nhận dạng tự động phát báo tìm kiếm cứu nạn (AIS-SART)/ AIS-Search And Rescue Transmitter (AIS-SART) SAR-16	SAMYUNG ENC CO., LTD Địa chỉ: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea SAMYUNG ENC CO., LTD Address: 69, Sangni-ro, Yeongdo-gu, Busan, Republic of Korea	Kiểu/ Model: AIS- SART SAR-16 Tần số phát AIS/ AIS Transmitter Frequency: AIS1 (CH 87B) : 161.975 MHz; AIS2 (CH 88B) : 162.025 MHz Công suất phát/ Power Output: 1W(EIRP) Điều biến/ Modulation: GMSK Antenna/ .: Ceramic patch antenna / spring whip	00926/22CN10.TA 28/11/2022 28/11/2027 28/05/2025	CTA
55	Thiết bị nhận dạng tự động phát báo tìm kiếm cứu nạn (AIS-SART)/ AIS-Search And Rescue Transmitter (AIS-SART) NAS-1000	NEW SUNRISE CO.,LTD Địa chỉ: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China NEW SUNRISE CO.,LTD Address: 79 Chunlan Road, Huangdai High-Tech Park, Xiangcheng District, Suzhou City, P.R.China	Kiểu/ Model: NAS-1000 Tần số phát AIS/ AIS Transmitter Frequency: AIS 1: 161.975MHz（CH2087), AIS 2: 162.025MHz（CH2088） Công suất phát/ Power Output: 1W Điều biến/ Modulation: GMSK Kiểu thu GPS/ GPS Receiver Type: LEA-5Q	00889/21CN03.TA 21/03/2023 21/03/2028 21/09/2025	CTA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
56	Thiết bị nhận dạng tự động phát báo tìm kiếm cứu nạn (AIS-SART)/ AIS-Search And Rescue Transmitter (AIS-SART) CY-AIS-SART	Ningbo Chiyang Electronic Co., Ltd Địa chỉ: No.140 The 21th Building Innovation 128 Park, No.818 Qiming Road, Ningbo, China Ningbo Chiyang Electronic Co., Ltd Address: No.140 The 21th Building Innovation 128 Park, No.818 Qiming Road, Ningbo, China	Kiểu/ Model: CY-AIS-SART Tần số phát AIS/ AIS Transmitter Frequency: AIS1（2087）: 161.975MHz, AIS2（2088）: 162.025MHz Công suất phát/ Power Output: 1W Điều biến/ Modulation: GMSK Kiểu pin/ Battery Type: Lithium battery : CY-LBST02 7.2V 5000mAh	00182/19CN04.TA 01/10/2019 01/10/2024 01/04/2022	CTA
57	Thiết bị nhận dạng tự động phát báo tìm kiếm cứu nạn (AIS-SART)/ AIS-Search And Rescue Transmitter (AIS-SART) AST100	SRC CO., LTD Địa chỉ: 11, Yongho-ro 252 Beon-gil, Nam-gu, Busan, 48575, Republic of Korea SRC CO., LTD Address: 11, Yongho-ro 252 Beon-gil, Nam-gu, Busan, 48575, Republic of Korea	Kiểu/ Model: AST100 with built-in GPS receiver Tần số phát AIS/ AIS Transmitter Frequency: 161.975 MHz, 162.025 MHz Công suất phát/ Power Output: 1W EIRP Điều biến/ Modulation: GMSK Antenna/ .: VHF: Internal (Helical type); GPS : Built-in Ceramic dielectric patch	00218/19CN02.TA 22/07/2019 22/07/2024 22/01/2022	CTA